

HTOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Nga

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 847/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Thông báo về việc mở phiên tòa số 51/TB-TA ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn T; địa chỉ: Số 17/92 C, phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cù Thuý Minh, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Minh H; địa chỉ: Số 17/92 C, phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn và ông Vũ Văn T trình bày tại đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa: Ông T và bà Lê Thị Minh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Lê

Chân, thành phố Hải Phòng ngày 01/3/2011; việc lấy nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới (trước khi lấy bà H, ông T đã có vợ là bà Phạm Thị T và đã ly hôn năm 2009).

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà H thường có những lời nói xúc phạm ông T, không chung thực trong kinh tế, gây mất lòng tin giữa vợ chồng. Cụ thể là vợ chồng có một khoản tiền tiết kiệm là 400.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại ngân hàng, vì là vợ chồng nên hai bên thống nhất để bà H đứng tên tài khoản ngoài ra, ông T còn đưa bà H cất giữ số vàng nhưng khi có việc ông T hỏi thì bà H trả lời là đã chi tiêu cho gia đình và bị mất hết, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng và trầm trọng hơn. Mặc dù ở chung một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm hay trách nhiệm gì với nhau nữa. Gia đình hai bên đã khuyên can nhưng không có kết quả. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không như ý muốn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H. Việc bà H khai ông T ly hôn với bà H để đi nước ngoài với vợ trước ông T đã ly hôn là không đúng, giữa ông T và bà T đã không còn liên lạc hay quan hệ tình cảm với nhau từ khi ly hôn đến nay.

- Về con chung: Ông T và bà Lê Thị Minh H có 01 con chung là Vũ Lê Tuyết M, sinh ngày 14/11/2011; nay ly hôn ông T đề nghị Tòa án giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông T đã tự thỏa thuận giải quyết với bà H, nên ông T không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn (bà Lê Thị Minh H) trình bày tại bản tự khai; biên bản ghi lời khai: Tôi (bà H) và ông Vũ Văn T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 01/3/2011.

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông T chung sống hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi ông T biết tôi làm mất số tiền tiết kiệm chung của vợ chồng dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau và ông T đã làm đơn xin ly hôn với tôi, việc ông T muốn ly hôn với tôi là để sang nước ngoài sống với vợ cũ. Tôi đã khuyên ngăn, giải thích nhưng ông T vẫn cương quyết muốn ly hôn. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Tôi và ông T có 01 con chung là Vũ Lê Tuyết M, sinh ngày 14/11/2011, nếu ly hôn tôi đề nghị Toà án giao cháu cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và ông T có trách nhiệm cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng nuôi con cho tôi.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi và ông Vũ Văn T có tài sản chung là 01 căn nhà tại số 17 ngõ 92 đường C, phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng chia tài sản chung này cho tôi và ông T mỗi người một nửa nhưng tôi không làm, nộp đơn đề nghị chia tài sản hay nộp tiền tạm ứng án phí, tiền án phí chia tài sản.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 02/12/2022, bị đơn (bà H) có mặt sau khi kết thúc phiên họp, bà H đã bỏ về không ký biên bản; tại phiên hoà giải ngày 12/12/2022 bà H vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản thu thập chứng cứ, đại diện địa phương nơi ông T và bà H cư trú cho biết:

- Ông Vũ Văn T và bà Lê Thị Minh H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng năm 2011. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn làm ảnh hưởng tới hàng xóm láng giềng. Ông T trước đó đã có một đời vợ, bản thân giữa ông T và bà H tính cách khác nhau nên trong cuộc sống xảy ra mâu thuẫn là điều không tránh khỏi. Khi xảy ra mâu thuẫn, tổ dân phố đã gặp gỡ, khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng tình cảm không còn, thường xuyên cãi chửi nhau. Nay ông T có đơn xin ly hôn bà H, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để xem xét giải quyết. Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Vũ Lê Tuyết Mai, sinh ngày 14/11/2011, hiện đang ăn ở, sinh hoạt ổn định cùng ông T và bà H; nếu hai bên ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu Mai và theo quy định pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho cháu. Về tài sản và công nợ chung của ông T và bà H, địa phương không biết nên không có ý kiến gì.

- Về Giấy mời đại diện gia đình bà H của Tòa án giao, đại diện địa phương đã giao cho bà H và em gái bà H nhưng cả hai đều nói không đến Tòa án.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ đại diện gia đình ông T (bà Vũ Thị B, em gái ông T) trình bày: Vợ chồng ông T mâu thuẫn từ tháng 3/2022 nguyên nhân chính về kinh tế do bà H không chung thực dẫn đến việc ông T mất lòng tin bà H, nên vợ chồng nảy sinh xô xát, cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã can thiệp nhưng không có kết quả, ông T và bà H đã sống ly thân không còn quan hệ với nhau về mọi mặt. Nay ông T xin ly hôn bà H, đại diện gia đình tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Vũ Lê Tuyết M, sinh ngày 14/11/2011, nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu cho bà H nuôi dưỡng; lên đại diện gia đình không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Đại diện gia đình không có ý kiến, đề nghị gì.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; bị đơn không

chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ông Vũ Văn T được ly hôn bà Lê Thị Minh H. Về con chung: Giao con Vũ Lê Tuyết M, sinh ngày 14/11/2011 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chung ông T và bà H tự thỏa thuận giải quyết với nhau, do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Ông T và bà H tự thỏa thuận với nhau, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: ông T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù trước đó đã nhận được văn bản Tòa án giao theo đúng quy định pháp luật; qua đó cho thấy bà H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa ông Vũ Văn T và bà Lê Thị Minh H là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 01/3/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tài liệu, chứng cứ khác cho thấy quá trình ông T, bà H chung sống đã phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, trầm trọng từ đầu năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế, vợ chồng không có niềm tin với nhau dẫn đến cãi vã, xô xát và hai bên đã sống ly thân không còn quan hệ với nhau về mọi mặt. Ông T và bà H đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải, động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T xin được ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Vũ Văn T và bà Lê Thị Minh H có 01 cn chung là Vũ Lê Tuyết Mai, sinh ngày 14/11/2011. Nay ly hôn ông T đề nghị giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến đủ 18 tuổi mặt khác cháu Mai có nguyện vọng ở với bà H; việc này phù hợp với ý kiến của chính quyền địa phương; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giao cháu Vũ Lê Tuyết Mai cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng nhưng tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 02/12/2022 bà H có mặt, sau khi các bên đã trình bày xong thì bà H đã bỏ về không ký biên bản và phiên hòa giải ngày 12/12/2022 bà H vắng mặt không có lý do; ông T có ý kiến đã tự thỏa thuận, giải quyết với bà H, nên không yêu cầu xem xét giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H trình bày tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, bà và ông Vũ Văn T có tài sản chung là 01 căn nhà tại số 17 ngõ 92 đường Cầu Cáp, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng chia tài sản chung này cho bà và ông T mỗi người một nửa nhưng bà không làm, nộp đơn đề nghị chia tài sản hay nộp tiền tạm ứng án phí, tiền án phí chia tài sản. Tuy nhiên, khi Tòa án ra Thông báo yêu cầu bà H thực hiện quyền và nghĩa vụ của bà về ý kiến có nguyện vọng chia tài sản chung theo quy định pháp luật nhưng bà H không thực hiện cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông T trình bày đã tự thỏa thuận, giải quyết với bà H, nên ông không yêu cầu xem xét giải quyết.

Sau khi tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã giao kết quả phiên họp cho bà H, bà H đã nhận thông báo và không có ý kiến hay yêu cầu gì; như vậy ý kiến trình bày của ông T là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 70, 72, 92, 202 Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau này hai bên có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung sau khi ly hôn sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về án phí: Ông T là người cao tuổi, thương binh loại 1/4 và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí; đối chiếu theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ông T thuộc diện được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn T được ly hôn bà Lê Thị Minh H.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Lê Tuyết M, sinh ngày 14/11/2011 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên đã tự thỏa thuận, giải quyết với nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Căn cứ vào Điều 2, 26 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường Lam Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc